

Số: 145/QĐ-CDCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên
hệ chính quy Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 520/QĐ-CDCT ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 1044/QĐ-CDCT ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Ban sửa đổi quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học sinh sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phòng Công tác Học sinh sinh viên có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị trực thuộc Trường hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 647/QĐ-CDCT ngày 20 tháng 08 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường và sinh viên đang theo học tại Trường căn cứ quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để b/c)
- Như Điều 4;
- Lưu VT, CTSV.



Bùi Mạnh Tuấn

QUY ĐỊNH
VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY
(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-CDCT ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ Cao đẳng chính quy, bao gồm: Các tiêu chí đánh giá và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.
- Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ Cao đẳng chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM.

Điều 2. Mục đích

- Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đạt chuẩn đầu ra do Nhà trường quy định.
- Định hướng những nội dung rèn luyện cụ thể của sinh viên trong điều kiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

- Thực hiện đúng quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy định này; bảo đảm khách quan, công khai, công bằng và chính xác.
- Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.
- Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các đơn vị có liên quan trong Trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm

- Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên đối với nhiệm vụ học tập, NCKH, chấp hành nội quy, quy chế... đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- Ý thức tham gia học tập, NCKH và các hoạt động chuyên môn;
- Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường;

- c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- e) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100 và được phân chia cho các mặt của quá trình rèn luyện, học tập (cụ thể hóa tại Chương II của Quy định này).

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

- 1. Tiêu chí để xác định điểm đánh giá: Điểm học tập.
- 2. Khung điểm đánh giá về ý thức học tập từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường

- 1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:
 - a) Chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước hoặc của địa phương nơi cư trú;
 - b) Chấp hành tốt nội quy, quy chế của nhà trường. Không vi phạm nội quy Khoa, Phòng, KTX...;
 - c) Tham gia đầy đủ các buổi họp của Lớp, Khoa, Trường và CVHT tổ chức;
 - d) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ học phí.
- 2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 7. Về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, an ninh trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội

- 1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:
 - a) Tham gia các cuộc thi do Đảng, chính quyền các cấp phát động;
 - b) Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội tại Trường hoặc nơi cư trú;
 - c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, người thân, người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn;
 - d) Có ý thức giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, và các tệ nạn xã hội;
 - e) Tham gia, hỗ trợ, cổ vũ, cổ động các hoạt động chung của lớp, khoa và Nhà trường;
 - f) Tham gia biểu diễn văn hóa, văn nghệ, TDTT hoặc các hoạt động phục vụ, hỗ trợ công tác của Nhà trường.
- 2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 35 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, Đoàn thể, tổ chức đội nhóm,...trong nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Là thành viên BCH Đoàn – Hội cấp Trường, cấp Khoa, Ban cán sự lớp; BCH chi đoàn, BCH chi hội, BCN CLB – Đội – Nhóm;
 - b) Là cán bộ Đoàn – Hội tiêu biểu cấp khoa, Đoàn viên xuất sắc, là Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
 - c) Là SV 5 tốt, cán bộ Đoàn – Hội tiêu biểu cấp trường trở lên, Đoàn viên ưu tú được giới thiệu Đảng, là Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 15 điểm.

Điều 9. Tiêu chí điểm cộng

1. Các tiêu chí để xác định điểm cộng:

- a) Đạt giải thưởng trong các cuộc thi do Đảng hoặc chính quyền các cấp phát động;
- b) Đạt giải thưởng trong các phong trào văn nghệ, thể thao, đoàn thể, xã hội...;
- c) Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khởi nghiệp được nghiệm thu, đánh giá đạt trở lên;
- d) Tham gia dự thi tay nghề đạt giải;
- e) Có đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khởi nghiệp, sáng kiến... được đăng trên báo/tạp chí;
- f) Tham gia chương trình trao đổi sinh viên quốc tế.

2. Điểm cộng đến 20 điểm và không vượt quá số điểm Đánh giá rèn luyện (tối đa 100).

Điều 10. Tiêu chí điểm trừ

1. Các tiêu chí bị điểm trừ:

- a) Vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương có giấy báo gửi về Trường;
 - b) Không tham gia hoặc bài thu hoạch sinh hoạt công dân đầu khóa không đạt yêu cầu;
 - c) Không tham dự Lễ khai giảng (trong danh sách đăng ký) không có lý do;
 - d) Không tham gia khám sức khỏe đầu khóa;
 - e) Bị ghi nhận hút thuốc, nói tục, chửi thề trong trường;
 - f) Phát ngôn không chuẩn mực trên không gian mạng xã hội (Vi phạm luật an ninh mạng);
 - g) Bị ghi nhận không mặc đồng phục theo quy định;
 - h) Không bổ sung hồ sơ sinh viên đúng thời hạn theo yêu cầu;
 - i) Không tham gia thực hiện các khảo sát bắt buộc của Trường;
 - j) Vi phạm nội quy, quy chế, quy định, nội quy Ký túc xá, Thư viện...;
2. Điểm trừ ở mức từ 5 – 15 điểm trên mỗi hành vi vi phạm.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN


Điều 11. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình và chưa đạt.
2. Phân loại kết quả rèn luyện:
 - a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc
 - b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt
 - c) Từ 70 đến dưới 80 điểm: loại khá
 - d) Từ 50 đến dưới 70 điểm: loại trung bình
 - e) Dưới 50 điểm: loại chưa đạt

Điều 12. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách cấp Trường, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.
2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo cấp Trường, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ có thời hạn không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.
5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.
6. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.
7. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục cũ khi học tại cơ sở giáo dục mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 13. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết tại các Điều 5, 6, 7, 8, của Quy định này vào Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện online (mẫu 1) trên tài khoản cá nhân của sinh viên. Sinh viên không thực hiện đánh giá theo đúng thời gian quy định thì điểm rèn luyện được tính là 0 điểm.
2. Ban Cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn cùng với Cố vấn học tập (sau đây gọi tắt CVHT) tổ chức họp lớp để xét và thông qua mức điểm của từng sinh viên trên cơ sở mức điểm do sinh viên tự đánh giá, các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa số thành viên trong lớp đồng ý. Kết quả đánh giá phải có biên bản kèm theo (mẫu 2) 

CVHT xác nhận kết quả họp lớp và thực hiện chấm điểm trên hệ thống phần mềm của giảng viên; chuyển kết quả (biên bản họp lớp đánh giá) lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp khoa).

3. Hội đồng đánh giá cấp khoa tiếp nhận Biên bản họp lớp, Bảng điểm của các lớp tổ chức họp xét, thống nhất, báo cáo Trưởng khoa thông qua và trình kết quả (Bảng điểm rèn luyện của các lớp) lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp Trường) thông qua Phòng Công tác sinh viên.

4. Phòng Công tác sinh viên thông báo đến các phòng chức năng liên quan rà soát nội dung đánh giá của sinh viên do đơn vị phụ trách.

5. Phòng Công tác sinh viên tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên trình hội đồng cấp Trường.

6. Hội đồng cấp Trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

7. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 14. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của sinh viên chính thức.

2. Hội đồng cấp Trường

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký quyết định thành lập Hội đồng cấp Trường.

b) Thành phần Hội đồng cấp Trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng) Công tác Học sinh sinh viên.

- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng ban có liên quan, đại diện Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng cấp khoa

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa.

b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Cố vấn học tập; Đại diện Liên chi đoàn; Liên chi hội sinh viên, Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, chi hội. Khi xét lớp nào thì Cố vấn học tập, Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, chi hội lớp đó là ủy viên Hội đồng.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa:

- Có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Cố vấn học tập của từng đơn vị lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trưởng khoa công nhận.

Điều 15. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

Thời hạn Hội đồng cấp khoa nộp điểm rèn luyện cho Hội đồng cấp Trường (qua Thường trực Hội đồng) như sau:

Học kỳ I từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 03 hàng năm;

Học kỳ II từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 08 hàng năm.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 04 nội dung đánh giá chi tiết của sinh viên và kết luận của Hội đồng đánh giá Trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 16. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét ngừng học, thôi học theo quy định của Trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học của Trường, làm căn cứ để xét và công nhận tốt nghiệp theo quy định về Chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp các ngành/chuyên ngành đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ở Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 17. Quyền khiếu nại

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi có thông báo của Hội đồng cấp Trường, sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện của mình bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Hội đồng cấp Trường (qua Thường trực Hội đồng). Khi nhận được đơn khiếu nại, Hội đồng cấp Trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này được thực hiện từ năm học 2024 - 2025. Những văn bản trái với quy định này đều bãi bỏ.
2. Quy định này thực hiện chấm điểm và đánh giá kết quả bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống phần mềm quản lý mới của nhà Trường.
3. Trong quá trình thực hiện, Hiệu trưởng nhà trường có thể bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý của Trường.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Phòng QLĐT;
- Phòng TCKT;
- Phòng CT-HSSV;
- Tất cả các khoa chuyên ngành;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
Bùi Mạnh Tuấn



MẪU 1: PHIẾU ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Học kỳ năm học -

Họ và tên sinh viên:..... MSSV:.....

Lớp:.....Khoá..... Khoa:

| Nội dung đánh giá | Điểm tối đa | Sinh viên tự đánh giá | Cố vấn học tập đánh giá | Đơn vị/cá nhân đánh giá |
|--|-------------|-----------------------|-------------------------|----------------------------------|
| I. Kết quả học tập | 25 | | | - Link từ phần mềm |
| Trên 9.0 | 25 | | | |
| Từ 8.0 đến dưới 9.0 | 20 | | | |
| Từ 6.25 đến dưới 8.0 | 15 | | | |
| Từ 5.0 đến dưới 6.25 | 10 | | | |
| Dưới 5.0 | 0 | | | |
| II. Về ý thức chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường: | 25 | | | |
| - Chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước hoặc của địa phương nơi cư trú | 5 | | | |
| - Chấp hành tốt nội quy, quy chế của nhà trường. Không vi phạm nội quy Khoa, Phòng, KTX... | 5 | | | |
| - Có tham gia Bảo hiểm Y tế bắt buộc hàng năm đầy đủ, đúng quy định | 5 | | | |
| - Tham gia đầy đủ các buổi họp của Lớp, Khoa, Trường và CVHT tổ chức. (Vắng 1 buổi có lý do trừ 2 điểm, không có lý do trừ 5 điểm) | 5 | | | |
| - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng học phí. (Trễ hạn trừ 3 điểm, Nợ trừ 5 điểm) | 5 | | | - Link từ phần mềm |
| III. Về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, an ninh trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội. | 35 | | | P. Công tác SV/ Đoàn TN - Hội SV |
| - Tham gia các cuộc thi do Đảng, chính quyền các cấp phát động. | 05 | | | |
| - Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội tại Trường hoặc nơi cư trú. | 05 | | | |
| - Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, người thân, người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn | 05 | | | |

| | | | | |
|--|-----------|--|--|---------------------------------------|
| - Có ý thức giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, và các tệ nạn xã hội. | 05 | | | |
| - Tham gia, hỗ trợ, cổ vũ, cổ động các hoạt động chung của lớp, khoa và Nhà trường (1đ/lần) | 05 | | | |
| - Tham gia biểu diễn văn hóa, văn nghệ, TDTT hoặc các hoạt động phục vụ, hỗ trợ công tác của Nhà trường. | 10 | | | |
| IV. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, Đoàn thể, tổ chức đội nhóm, ... trong nhà trường (chọn 1) | 15 | | | Đoàn TN – Hội SV |
| - Là thành viên BCH Đoàn – Hội cấp Trường, cấp Khoa, Ban cán sự lớp; BCH chi đoàn, BCH chi hội, BCN CLB – Đội – Nhóm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. | 15 | | | |
| - Là thành viên BCH Đoàn – Hội cấp Trường, cấp Khoa, Ban cán sự lớp; BCH chi đoàn, BCH chi hội, BCN CLB – Đội – Nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ. | 10 | | | |
| - Là thành viên BCH Đoàn – Hội cấp Trường, cấp Khoa, Ban cán sự lớp; BCH chi đoàn, BCH chi hội, BCN CLB – Đội – Nhóm hoàn thành nhiệm vụ. (Không hoàn thành nhiệm vụ không có điểm) | 05 | | | |
| - Là cán bộ Đoàn – Hội tiêu biểu cấp khoa, Đoàn viên xuất sắc, là Đảng viên HTTNV. | 10 | | | |
| - Là SV 5 tốt, cán bộ Đoàn – Hội tiêu biểu cấp trường trở lên, Đoàn viên ưu tú được giới thiệu Đảng, là Đảng viên HTXS NV. | 15 | | | |
| - Thành viên Ban Chấp hành Đoàn, Hội không chấp hành các quy định và hoạt động của Đoàn, Hội. | -05 | | | |
| V. Tiêu chí điểm cộng (Chọn mức cao nhất) | 20 | | | Không nằm trong khung điểm 100 |
| - Đạt giải thưởng trong các cuộc thi do Đảng hoặc chính quyền các cấp phát động | | | | |
| ✓ Cấp trường | 10 | | | |
| ✓ Cấp tỉnh/Thành phố | 15 | | | |
| ✓ Cấp Toàn quốc/Bộ | 20 | | | |
| - Đạt giải thưởng trong các phong trào văn nghệ, thể thao, đoàn thể, xã hội... | 10 | | | |
| ✓ Cấp trường | 15 | | | |
| ✓ Cấp tỉnh/Thành phố | 20 | | | |

| | | | | |
|--|------------|--|--|---------------------------------------|
| ✓ Cấp Toàn quốc/Bộ | | | | |
| - Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khởi nghiệp được nghiệm thu, đánh giá đạt trở lên | | | | |
| ✓ Cấp trường | 10 | | | |
| ✓ Cấp tỉnh/Thành phố | 15 | | | |
| ✓ Cấp Toàn quốc/Bộ | 20 | | | |
| - Tham gia dự thi tay nghề đạt giải: | | | | |
| ✓ Cấp trường | 10 | | | |
| ✓ Cấp tỉnh/Thành phố | 15 | | | |
| ✓ Cấp Toàn quốc/Bộ | 20 | | | |
| - Có đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khởi nghiệp, sáng kiến... được đăng trên báo/tạp chí | 15 | | | |
| - Tham gia chương trình trao đổi sinh viên quốc tế | 10 | | | |
| VI. Tiêu chí điểm trừ | | | | Không nằm trong khung điểm 100 |
| - Vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương có giấy báo gửi về Trường | -10 | | | |
| - Không tham gia hoặc bài thu hoạch sinh hoạt công dân đầu khóa không đạt yêu cầu | -05 | | | |
| - Không tham dự Lễ khai giảng (trong danh sách đăng ký) không có lý do | -05 | | | |
| - Không tham gia khám sức khỏe đầu khóa | -05 | | | |
| - Bị ghi nhận hút thuốc, nói tục, chửi thề trong trường | -05 | | | |
| - Phát ngôn không chuẩn mực trên không gian mạng xã hội (Vi phạm luật an ninh mạng) | -10 | | | |
| - Bị ghi nhận không mặc đồng phục theo quy định | -05 | | | |
| - Không bổ sung hồ sơ sinh viên đúng thời hạn theo yêu cầu | -05 | | | |
| - Không tham gia thực hiện các khảo sát bắt buộc của Trường | -05 | | | |
| - Vi phạm nội quy, quy chế, quy định, nội quy Ký túc xá, Thư viện...: | | | | |
| ✓ Có biên bản vi phạm nhưng chưa đến mức kỷ luật | -05 | | | |
| ✓ Có Quyết định kỷ luật Khiển trách | -15 | | | |
| ✓ Có Quyết định kỷ luật Cảnh cáo | | | | (Hạ 1 bậc xếp loại rèn luyện) |
| Tổng điểm | 100 | | | |

Ghi chú:

- Sinh viên tự đánh giá từ mục I – IV. Tổng điểm đánh giá, xếp loại là 100 điểm (không bao gồm tiêu chí V và VI).
- Điểm cộng tối đa không quá 20 điểm và điểm tổng ĐGRL không quá 100 điểm.

TP.HCM, ngày ...thángnăm 202..

Chữ ký của sinh viên

CÓ VẤN HỌC TẬP

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU 2: BIÊN BẢN HỌP LỚP VỚI CỔ VẤN HỌC TẬP

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

BIÊN BẢN HỌP LỚP

Về việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

Lớp: Khoa:

Học kỳ: Năm học:

I. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM:

..... giờ..... phút, ngày/...../20..., tại:

II. THÀNH PHẦN:

- Lớp trưởng/Bí thư chi đoàn (Chủ trì):
- Thư ký:
- Cổ vấn học tập:
- Số lượng Sinh viên tham dự buổi họp:

III. NỘI DUNG:

1. Tình hình sinh viên của lớp tham gia đánh giá rèn luyện:

.....
.....
.....

- Tổng số sinh viên không thực hiện đánh giá rèn luyện:

| Stt | Họ tên | Lý do | Ghi chú |
|-----|--------|-------|---------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

2. Những ý kiến đóng góp của sinh viên trong lớp:

.....
.....
.....
.....

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Xuất sắc:.....

Tốt:

Khá:.....

Trung bình:

Yếu:.....

Kém:.....

3. Kết luận của Cố vấn học tập:

.....

.....

.....

.....

.....

Buổi họp đã thống nhất với kết quả trong bảng tổng hợp, buổi họp kết thúc vào lúc giờ ... cùng ngày.

Thư ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cố vấn học tập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)